

Bản án số: 32/2018/DS-PT
Ngày: 27 - 11 - 2018
V/v: Tranh chấp chia di sản
thừa kế.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Hà

Bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 28/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đường Phan M, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Số nhà 3, phố T, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Y.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1956;

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đường Khắc T – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H

2. Bà Đường Thị T, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1987

4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

Đều cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, chị T, anh T, chị H: Ông Đường Phan M, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Số nhà 3, phố T, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

6. Chị Trần Thị T, sinh năm 1970; Anh Đường Phan B, sinh năm 1969

Người đại diện theo ủy quyền của anh B: Chị Trần Thị T, sinh năm 1970

Đều cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

7. Chị Trần Thị H1, sinh năm 1970

8. Chị Đường Thị H2, sinh năm 1992

9. Chị Đường Thị T1, sinh năm 1995

10. Anh Đường Phan C, sinh năm 1998

Đều cư trú tại: Số nhà 3, phố T, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người kháng cáo: Ông Đường Phan M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** NguY đơn: ông Đường Phan M** yêu cầu chia di sản thừa kế của bố là cụ Đường Phan M1, sinh năm 1936, chết tháng 8/2015, khi chết không để lại di chúc. Ông M trình bày:

Cụ Đường Phan M1 và vợ là cụ Lê Thị Y (cụ Y sinh năm 1938, chết tháng 7/2006) có 03 con chung là bà Đường Thị T, bà Đường Thị T1, ông Đường Phan M. Bà T1 chết năm 1995, có 03 con là Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T.

Quá trình chung sống các cụ có khối tài sản gồm: 1020m² đất thổ cư tại thửa đất số 266, 180m² đất ao tại thửa đất số 265 thuộc tờ bản đồ số 06; tỷ lệ 1:1000 tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1985 mang tên cụ Đường Phan M1 (nay thuộc thửa đất số 373, diện tích 1256,9m² đất ở nông thôn và lâu năm khác; thửa đất số 379, diện tích 170,5m² đất thủy sản ngọt thuộc tờ bản đồ số 04, tỷ lệ 1:1000, đo đạc năm 2008) và 1887m² đất nông nghiệp được nhà nước giao theo quyết định 652 và 948 của UBND tỉnh Thái Bình cho cụ Y, bà T, bà H1, chị T1, chị H2, anh C (gồm 660m² đất vườn quy đổi = 264m²; 180m² đất ao quy đổi = 36m²; 420m²

đất %; 350m² đất tại Nông sản; 292m² đất tại Cửa ô thành; 525m² đất tại Đốc Nông sản), trong đó phần đất nông nghiệp cơ bản của cụ Y là 448m². Cụ M1, cụ Y có 01 nhà chính mái ngói hiên tây xây dựng năm 1988 tại thửa đất số 266 bản đồ 299 thôn N, xã H, huyện H tỉnh Thái Bình.

Năm 2006 cụ Y chết không để lại di chúc. Năm 2010, cụ M1 kết hôn với cụ Trần Thị L. Cụ M1, cụ L không có con chung, không có con nuôi. Quá trình chung sống, cụ M1, cụ L cùng sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1988 trên đất của cụ M1 và cụ Y, ngôi nhà đó khi xây dựng, ông M góp toàn bộ cánh cửa chính, cửa sổ, song cửa. Năm 2013 cụ M1, cụ L xây dựng 01 nhà bếp mái bằng, khu vệ sinh, sân trước nhà, ông M chi trả tiền nguyên vật liệu hết 57.000.000đ; năm 2014 xây dựng tường bao, cổng, đường vào bê tông; kè bờ ao do ông M chi phí toàn bộ hết 65.000.000đ; Hai cụ còn mua 01 kệ ti vi, 01 bộ âm ly; 01 tủ lạnh Panasonic; 01 xe đạp mini Nhật; 01 bộ bàn ăn bằng inox, mặt kính; 01 quạt cây, còn ông M mua giường, bàn ghế, tivi. Những tài sản này do cụ L quản L. Ngoài ra, cụ M1 còn có 02 chỉ vàng và 17.000.000đ tiền mặt do cụ L quản L.

Ông M không chấp nhận di chúc viết bằng tay của cụ M1, đề ngày 28/12/2012, có người làm chứng là ông Trần Quang T, trưởng thôn N, xã H với nội dung cho cụ Trần Thị L một sào (360m²) loại đất nông nghiệp ở giáp vườn dưới nhà anh Đường Phan B. Lý do: Cụ M1 là cán bộ nghỉ hưu, không thuộc diện được Nhà nước giao đất nông nghiệp, vì vậy di chúc này là không hợp pháp, không có hiệu lực pháp luật.

Ông M đề nghị chia 180m² đất ở là di sản của cụ M1 cho các thừa kế theo pháp luật gồm: cụ L, bà T, ông M, bà T1 (hàng thừa kế thế vị của bà T1 là chị T, anh T, chị H) và đề nghị được quản lý toàn bộ di sản, ông có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản cho các thừa kế khác. Về nhà ở và các công trình xây dựng là tài sản riêng của cụ M1, trong đó ông M có góp công sức tạo dựng tài sản. Về 02 chỉ vàng và 17.000.000đ tiền mặt do cụ L quản lý, ông M không yêu cầu chia thừa kế nhưng yêu cầu dùng vào việc thờ cúng cụ M1.

Ngoài ra, đối với văn bản đề là di chúc của cụ M1 ngày 29/10/2009, nội dung cụ M1 cho cháu ruột là anh Đường Phan B 100m² loại đất nông nghiệp, có chiều ngang 5m, giáp bờ ao nhà anh Hoàng Văn T. Vợ chồng B chị T đã xây dựng nhà ở và công trình phụ trên đó. Ông M thừa nhận và nhất trí với việc cho tài sản đó của cụ M1 và đề nghị Tòa án công nhận diện tích đó là của anh B. Đối với diện tích 71,3m² vợ chồng anh B đã xây dựng vượt quá 100m² đất được cho, ông M đề nghị tự thỏa thuận giải quyết với vợ chồng anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn: cụ Trần Thị L** thống nhất với nguyên đơn về thời điểm mở thừa kế, về diện và hàng thừa kế của cụ M1, về di chúc của cụ M1 để lại di sản cho cụ L là không hợp pháp.

Cụ L xác định cụ L và cụ M1 có tài sản chung gồm 360m² đất ở, 448m² đất nông nghiệp trong thửa đất số 265, 266 (bản đồ 299) và tài sản là toàn bộ nhà cùng các công trình xây dựng trên thửa đất 266, đồ dùng sinh hoạt gia đình. Cụ L không quản lý 17.000.000đ, không thừa nhận việc ông M có đóng góp trong việc tạo dựng tài sản chung của cụ L và cụ M1. Cụ L xác định 2 chỉ vàng do cụ M1 trao cho cụ L khi cưới nên không đồng ý chia thừa kế.

Cụ L nhất trí chia di sản thừa kế của cụ M1 theo pháp luật đối với ½ khối tài sản chung của cụ và cụ M1 nêu trên, yêu cầu được nhận di sản là đất ở để có đất xây dựng nhà.

*** Chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T trình bày:** Anh chị được hưởng một phần di sản của cụ M1 do thừa kế thế vị của mẹ là bà Đường Thị T1. Chị H, chị T, anh T đều nhường phần di sản của mình cho ông M được sở hữu và không nhất trí cho cụ L sử dụng 01 sào đất như di chúc cụ M1 để lại cho cụ L.

*** Bà Trần Thị H1, anh Đường Phan C, chị Đường Thị T1, chị Đường Thị H2 và bà Đường Thị T** đều nhất trí và đề nghị Tòa án công nhận 100m² đất nông nghiệp cụ M1 đã cho anh B theo văn bản cụ Đường Phan M1 đã lập ngày 29/10/2009. Đối với 71,3m² đất vợ chồng anh B xây vượt quá diện tích được cho, bà T, bà H1, chị T1, chị H2, anh C đồng ý tự thỏa thuận với anh B, chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với di chúc cụ Đường Phan M1 lập ngày 28/12/2012 để lại đất nông nghiệp cho cụ L thì bà T, bà H1, chị T1, chị H2, anh C không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Anh B, chị T trình bày:** Đề nghị Tòa án công nhận việc cụ Đường Phan M1 cho đất nông nghiệp cho anh chị ngày 29/10/2009. Đối với diện tích sử dụng vượt quá diện tích được cho, anh chị tự thỏa thuận với ông M, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình trình bày:** Căn cứ bản đồ 299: thửa đất số 266, diện tích 1020m² và thửa đất số 265, diện tích 180m² thuộc tờ bản đồ số 06 đo đạc năm 1985 mang tên cụ Đường Phan M1 nay thuộc thửa đất số 373, diện tích 1256,9m² đất ở nông thôn và lâu năm khác; thửa đất số 379, diện tích 170,5m² đất thủy sản ngọt thuộc tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 2008. Hộ cụ Đường Phan M1 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hạn mức đất ở của cụ M1, cụ Y là 360m². Diện tích đất nông nghiệp của gia đình cụ Lê Thị Y là 1.887m² được giao cho cụ Y, bà T, bà H1, chị H2, chị T1, anh C. Năm 2009, cụ M1 tặng cho quyền sử dụng đất cho anh B, đây là sự thỏa thuận giữa cụ M1 và anh B. Gia đình anh B, chị T đã tự ý xây dựng nhà ở trên đất vườn của cụ M1, cụ Y. UBND xã đề nghị Tòa án căn cứ vào nhu cầu thực tế, nơi ở ổn định, diện tích đất anh B, chị T ở không có tranh chấp để xem xét giải quyết. Đối với diện tích đất lấn chiếm là 19,8m² đề nghị anh B, chị T trả lại UBND xã H.

*** Bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đã quyết định:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 BLTTDS năm 2015; Căn cứ Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995; Căn cứ vào Điều 631; 634; 642; điểm d khoản 1 Điều 653; Điều 674; 676; 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ điều 212; khoản 2 Điều 468; 609; 610; 611; 616; 620; 623; 624; 630; khoản 1 Điều 623; 649; 650; 651; 652; điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 54 Luật Đất đai năm 1993; điều 100; 167; 170; 179 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ điều 33; 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đường Phan M về việc chia di sản thừa kế của cụ Đường Phan M1 theo quy định của pháp luật.

2. Xác định diện tích 360m² đất ở và 448m² đất nông nghiệp trong các thửa đất số 266, diện tích 1020m² và thửa đất số 265, diện tích 180m² thuộc tờ bản đồ số 06; tỷ lệ 1: 1000 tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1985 mang tên cụ Đường Phan M1 nay thuộc thửa đất số 373, diện tích 1256,9m² đất ở nông thôn và lâu năm khác; thửa đất số 379, diện tích 170,5m² thuộc tờ bản đồ số 04, tỷ lệ 1;1000, đo đạc năm 2008. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2018 có tổng diện tích là 1442,7m² (trong đó đất lâu năm khác là 1242,6m² và đất ao 200,1m²) là di sản thừa kế của cụ Đường Phan M1 và cụ Lê Thị Y.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Đường Phan M1 có 01 nhà bếp mái bằng, công trình phụ xây dựng năm 2013 giá trị còn lại 77.508.356đ; tường bao, cổng, đường vào bê tông xây dựng năm 2014 giá trị còn lại 39.767.310đ; tường bờ ao xây dựng năm 2014 trị giá 9.208.682đ; 01 kệ ti vi trị giá 3.200.000đ, 01 bộ âm ly đã qua sử dụng trị giá 1.000.000đ; 01 tủ lạnh Panasonic: 1.000.000đ; 01 xe đạp mini Nhật 1.500.000đ; 01 bộ bàn ăn bằng inox, mặt kính 1.000.000đ; 01 quạt cây đã qua sử dụng: 100.000đ. Tổng giá trị tài sản là 134.285.000đ là di sản thừa kế của cụ M1 và cụ L.

4. Xác nhận người thừa kế theo pháp luật hàng thứ nhất của cụ M1 là cụ L, ông M, bà T, 03 người thừa kế thế vị là chị T, anh T, chị H

5. Chia giá trị: Cụ L được hưởng giá trị di sản thừa kế là 103.177.000đ; ông M được hưởng số tiền 50.358.000đ. Giao cho ông M sở hữu các loại tài sản trên và buộc ông M có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền cho cụ L số tiền 103.177.000đ

6. Chia hiện vật:

- Chia cho cụ L được quyền thừa kế 140,5m² đất ở nông thôn tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình thuộc tờ bản đồ số 06, tỷ lệ 1;1000, tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1985 mang tên cụ Đường Phan M1 nay thuộc thửa đất số 373, diện tích 1256,9m² đất ở nông thôn và lâu năm khác; thửa đất số 379, diện tích 170,5m² thuộc tờ bản đồ số 04, tỷ lệ 1;1000, đo đạc năm 2008. Theo biên bản

xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2018 có tổng diện tích là 1442,7m² (trong đó đất lâu năm khác là 1242,6m² và đất ao 200,1m²) trên đất không có công trình xây dựng. Ranh giới thửa đất như sau: Phía Đông (từ điểm 1-2) có chiều dài là 19.56m giáp thửa đất nhà ông Thân; Phía Tây (từ điểm 3-4) có chiều dài là 18.44m giáp thửa đất cũ 266; Phía Nam (từ điểm 2-3) có chiều dài là 7.44m giáp thửa đất cũ 265; Phía Bắc (từ điểm 1-4) có chiều dài là 7.37m giáp với ngõ đi của thôn N;

6.2 Chia cho ông Đường Phan M được quyền thừa kế 219,5m² đất ở nông thôn, 907,7m² đất lâu năm khác thuộc tờ bản đồ số 06, tỷ lệ 1:1000, tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1985 mang tên cụ Đường Phan M1 nay thuộc thửa đất số 373, diện tích 1256,9m² đất ở nông thôn và lâu năm khác; thửa đất số 379, diện tích 170,5m² thuộc tờ bản đồ số 04, tỷ lệ 1:1000, đo đạc năm 2008. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2018 có tổng diện tích là 1442,7m² (trong đó đất lâu năm khác là 1242,6m² và đất ao 200,1m²), trên thửa đất có 01 nhà chính mái ngói hiên tây, xây dựng năm 1988; 01 nhà liền kề mái bằng 01 tầng, xây dựng năm 1988; 01 nhà bếp mái bằng, công trình phụ. Tường bao, cổng, đường vào bê tông; khu chăn nuôi nhà cấp 4. Ranh giới thửa đất như sau: Phía Đông (từ điểm 4-3-17-16-15-14-13) có chiều dài là 47.11m giáp thửa đất nhà ông Thân; Phía Tây (từ điểm 6-7-8-9) có chiều dài là 41.71m giáp thửa đất nhà ông Tỉnh; Phía Nam (từ điểm 9-10-11-12-13) có chiều dài là 30,38m giáp các thửa đất 270, 271; Phía Bắc (từ điểm 6-5-4-3-18-17) có chiều dài là 24,64m giáp với ngõ đi của thôn N và 7,44m giáp với thửa đất của cụ Trần Thị L.

Ông M sở hữu các tài sản như sau: 01 kệ ti vi, 01 bộ âm ly; 01 tủ lạnh Panasonic; 01 xe đạp mini Nhật; 01 bộ bàn ăn bằng inox, mặt kính; 01 quạt cây đã qua sử dụng. Cụ L có nghĩa vụ bàn giao các loại tài sản trên cho ông M.

6.3 Trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản: Ông M có trách nhiệm thanh toán cho cụ L số tiền 103.177.000đ

6.4 Chấp nhận sự tự nguyện của ông M, bà T, bà H1, chị T1, chị H2, anh C với anh B, chị T (vợ anh B) 100m² và các đương sự tự thỏa thuận với nhau về diện tích đất thừa 71,3m². Ranh giới như sau: Phía Đông (từ điểm 3-4-5) có chiều dài là 9.98m giáp thửa đất nhà ông T; Phía Tây (từ điểm 2-6) có chiều dài là 5.47m giáp thửa đất lưu không và mương nước; Phía Nam (từ điểm 5-6) có chiều dài là 30,8m giáp thửa đất hộ cụ M1; Phía Bắc (từ điểm 2-3) có chiều dài là 23,60m giáp với thửa đất nhà ông T.

6.5 Cụ L, ông M, anh B có nghĩa vụ kê khai, đăng ký và tách quyền sử dụng đất được giao sử dụng theo quyết định của bản án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Buộc anh Đường Phan B và chị Trần Thị T trả lại UBND xã H, huyện Hưng Hà diện tích đất lấn chiếm 19,8m². Ranh giới như sau: Phía Đông (từ điểm 2-6) có chiều dài là 5.47m giáp thửa đất anh B; Phía Tây (từ điểm 1-8) có chiều dài là 5.25m giáp ngõ đi thôn N; Phía Nam (từ điểm 6-7-8) có chiều dài là 4.21m

giáp với đất lưu không; Phía Bắc (từ điểm 1-2) có chiều dài là 3.69 m giáp đất lưu không.

Tạm giao cho UBND xã H, huyện Hưng Hà quản L diện tích đất lần, chiếm trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định

*** Ngày 19/6/2018, ông Đường Phan M kháng cáo** toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ông M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị phân chia lại di sản của cụ Đường Phan M1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; đồng thời quá trình thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông Đường Phan M, hủy bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/6/2018 ông Đường Phan M làm đơn kháng cáo và gửi đơn đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông M đã thực hiện nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy kháng cáo của ông M là hợp lệ, được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

- Cụ Trần Thị L có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng khác có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử phúc thẩm vụ án theo trình tự vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

- Cụ Đường Phan M1 (sinh năm 1936, chết tháng 8/2015) và cụ Lê Thị Y (sinh năm 1938, chết tháng 7/2006) là vợ chồng, có 03 con chung là bà Đường Thị T, bà Đường Thị T1, ông Đường Phan M. Bà T1 có 3 con là Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, bà T1 chết năm 1995.

Cụ M1, cụ Y có tài sản chung là 360m² đất ở nằm trong thửa đất số 266 tài liệu bản đồ 299 đo năm 1985, diện tích 1020m² nay là thửa đất số 373 tài liệu bản đồ đo đạc năm 2008, diện tích 1256,9m² đất ở nông thôn và lâu năm khác. Cụ Y và các con, cháu là bà Đường Thị T, bà Trần Thị H1, chị Đường Thị H2, chị Đường Thị T1, anh Đường Phan C còn được Nhà nước giao sử dụng 1.887m² đất nông nghiệp theo quyết định 652 và 948 của UBND tỉnh Thái Bình (do cụ M1, cụ Y quản lý), gồm 660m² đất vườn quy đổi = 264m²; 180m² đất ao quy đổi = 36m²; 420m² đất %; 350m² đất tại Nông sản; 292m² đất tại Cửa ô thành; 525m² đất tại Dốc Nông sản, trong đó cụ Y có quyền sử dụng 448m² đất nông nghiệp. Cụ M1 không được giao sử dụng đất nông nghiệp vì là cán bộ hưu trí. UBND xã H cung cấp diện tích đất cụ M1 cụ Y quản lý tăng thêm 130m² và số diện tích tăng thêm là do sai số khi đo đạc. Tòa án đo đạc thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất số 373; 379 thì tổng diện tích 2 thửa đất là 1477,7m², trong đó có ghi “đất thừa” là 34,9m². Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ sự không thống nhất giữa số liệu diện tích đất tăng thêm do UBND xã cung cấp và “đất thừa” do Tòa án đo đạc thẩm định, không làm rõ diện tích đất tăng thêm là loại đất gì? Nếu xác định đất tăng thêm là đất nông nghiệp thì thuộc quyền sử dụng chung của những người trong hộ gia đình cụ Y được giao sử dụng đất nông nghiệp, trong đó có một phần của cụ Y. Khi diện tích đất nông nghiệp của cụ Y tăng lên thì di sản của cụ M1 được hưởng từ cụ Y cũng tăng lên. Vì vậy chưa có căn cứ xác định di sản của cụ M1 để lại.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ đối với các loại đất cụ M1 và cụ L quản lý. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được cụ thể vị trí đất ở là di sản của cụ M1 để lại, nhưng đã chia cho cụ L sử dụng 140,5m² đất trong thửa đất số 373 và tự xác định đó là đất ở là không có căn cứ, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Cụ Y chết trước cụ M1 và không để lại di chúc, vì vậy cụ M1 được hưởng di sản thừa kế của cụ Y theo quy định pháp luật, gồm một kỷ phần đất ở và một kỷ phần đất nông nghiệp. Khi cụ M1 còn sống, cụ đã tặng cho một phần đất nông nghiệp cụ được hưởng cho anh Đường Phan B. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận việc chuyển quyền sử dụng đất từ cụ M1 cho anh B, tuy nhiên vẫn xác định di sản của cụ M1 để lại là 448m² đất nông nghiệp (toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của cụ Y) để chia di sản thừa kế của cụ M1 là không đúng, vi phạm quy định tại Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người thừa kế khác của cụ Y.

- Ông M đã khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ M1, trong đó có 02 chỉ vàng và số tiền 17.000.000đ do cụ L quản lý, sau đó ông M thay đổi yêu cầu về việc không yêu chia thừa kế di sản đó nhưng yêu cầu giữ lại di sản để dùng vào việc

thờ cúng cụ M1. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét xác định cụ M1 có hay không có các di sản này và chưa giải quyết yêu cầu của ông M là còn bỏ sót yêu cầu của đương sự.

- Việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết đòi với diện tích 19,8m² đất do anh B chị T lấn chiếm của UBND xã H huyện H, buộc anh B, chị T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm cho UBND xã là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Mặt khác đó là một quan hệ pháp luật khác, không liên quan đến quan hệ pháp luật “Tranh chấp chia di sản thừa kế” nên cần phải được giải quyết bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu. Song Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu của UBND xã H, huyện H trong cùng vụ án này là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ xác định thời điểm mở thừa kế của cụ M1, chứng cứ xác định diện và hàng thừa kế của cụ M1 (Không thu thập giấy chứng tử của cụ M1, giấy khai sinh hoặc xác nhận về con chung của cụ M1 và cụ Y, giấy chứng tử của bà T1, giấy đăng ký kết hôn của cụ M1 và cụ L), thu thập tài liệu là bản photocopy, là chưa có căn cứ để giải quyết yêu cầu của đương sự, vi phạm Điều 97, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, ông Đường Phan M cung cấp cho Hội đồng xét xử bản án số 04/2018/DS-ST ngày 07-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà cấp cho ông, tuy nhiên bản án đó có nhiều nội dung khác bản án số 04/2018/DS-ST ngày 07-6-2018 có trong hồ sơ vụ án, cả về phần nhận định và phần quyết định của bản án. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, quy định tại khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 268 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; việc thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa được;

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do vụ án bị hủy nên ông Đường Phan M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[1] Chấp nhận kháng cáo của ông Đường Phan M.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án

nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí: Ông Đường Phan M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Đường Phan M 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, B lai thu số 0005217 ngày 19/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/11/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Viện kiểm sát, Chi cục THADS
Huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình